

Số: 122 /QĐ-UBND

Cẩm Mỹ, ngày 05 tháng 02 năm 2020

SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG NAI	
Số:.....	657
ĐẾN Ngày:.....	23/2/2020
Khu dân cư Cẩm Mỹ	
Số và ký hiệu HS:.....	

QUYẾT ĐỊNH

Về việc duyệt hồ sơ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư và tái định cư Nhân Nghĩa tại xã Nhân Nghĩa, huyện Cẩm Mỹ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương được Quốc hội thông qua ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 ngày 29/11/2018 của Quốc hội khóa XIV, kỳ họp thứ 6 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính Phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03/4/2008 của Bộ Xây dựng về việc ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng” kèm theo QCDVN 01:2008/BXD;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 15/3/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện hồ sơ quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 921/QĐ-UBND ngày 27/9/2013 của UBND huyện Cẩm Mỹ, phê duyệt Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Nhân Nghĩa, huyện Cẩm Mỹ;

Căn cứ công văn số 6033/UBND-KT ngày 29/5/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai, về việc đầu tư xây dựng Khu tái định cư bố trí cho các hộ dân khi thu hồi đất thuộc dự án đường cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây thuộc dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020;

Căn cứ công văn số 1752/UBND-NL ngày 24/4/2019 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng Khu dân cư và tái định cư tại xã Nhân Nghĩa, huyện Cẩm Mỹ;

Căn cứ Công văn số 3058/UBND-NL ngày 24/6/2019 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc chấp thuận chủ trương lập quy hoạch chi tiết 1/500 cho Khu dân cư có bố trí tái định cư tại xã Nhân Nghĩa, huyện Cẩm Mỹ;

Căn cứ Sơ đồ thửa đất bản đồ địa chính số 5063/GTĐĐ ngày 23/8/2019 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Cẩm Mỹ lập;

Căn cứ Quyết định số 1641/QĐ-UBND ngày 07/11/2019 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư và tái định cư Nhân Nghĩa;

Căn cứ Thông báo số 720/TB-UBND ngày 16/12/2019 của Phó chủ tịch UBND huyện tại cuộc họp thông qua quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư và tái định cư Nhân Nghĩa tại xã Nhân Nghĩa, phục vụ dự án đường cao tốc Phan Thiết- Đồng Nai đoạn qua địa bàn huyện Cẩm Mỹ;

Căn cứ Văn bản số 27/SXD-QLQHKT ngày 03/01/2020 của Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai về việc ý kiến đề án quy hoạch chi tiết 1/500 dự án Khu dân cư và tái định cư tại xã Nhân Nghĩa, huyện Cẩm Mỹ;

Căn cứ Biên bản niêm yết công khai đề án khu dân cư và tái định cư Nhân Nghĩa ngày 12/11/2019 tại UBND xã Nhân Nghĩa;

Căn cứ Báo cáo số 230/BC-UBND ngày 30/12/2019 về tổng hợp kết quả thực hiện việc lấy ý kiến cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung Đề án khu dân cư và tái định cư Nhân Nghĩa tại xã Nhân Nghĩa, huyện Cẩm Mỹ;

Xét Tờ trình số 16 /TTr-KTHT ngày 15/01/2020 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện, về hồ sơ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư và tái định cư Nhân Nghĩa do Công ty Cổ phần Tư vấn Kiểm định Xây dựng Đông Nam lập tháng 01/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư và tái định cư Nhân Nghĩa tại xã Nhân Nghĩa, huyện Cẩm Mỹ với những nội dung chính như sau:

1. Phạm vi ranh giới lập quy hoạch: Phạm vi, vị trí và quy mô lập quy hoạch:

1.1 Vị trí, ranh giới lập quy hoạch: Khu đất dự kiến quy hoạch tại ấp Cam Tiên, xã Nhân Nghĩa, huyện Cẩm Mỹ có các mặt tiếp giáp như sau:

- Phía Đông: Giáp đất nông nghiệp.
- Phía Tây: Giáp nhóm dân cư hiện hữu dọc Quốc lộ 56.
- Phía Nam: Giáp thị trấn Long Giao.
- Phía Bắc: Giáp trường tiểu học Nhân Nghĩa và đất nông nghiệp.

1.2 Quy mô, tỷ lệ lập quy hoạch:

- Diện tích lập quy hoạch: 185.639,8 m² (18,56 ha).
- Quy mô dân số: 1.800 - 2.000 người.
- Tỷ lệ lập dự án: 1/500.

2. Mục tiêu lập quy hoạch:

- Tái định cư cho các hộ nằm trong vùng dự án trọng điểm cần được di dời.
- Đầu giá quyền sử dụng đất, tạo nguồn thu cho ngân sách.
- Cụ thể hóa chủ trương đầu tư xây dựng các điểm dân cư tại xã Nhân Nghĩa, huyện Cẩm Mỹ theo Quy hoạch chung xã được UBND huyện Cẩm Mỹ

phê duyệt, đảm bảo khả năng phục vụ tốt nhu cầu của người dân, tăng tính mỹ quan cho khu vực và phát triển bền vững.

- Xác định vai trò, tính chất, quy mô, phân khu chức năng sử dụng đất tổ chức không gian quy hoạch cảnh quan kiến trúc.

- Tạo tiền đề phát triển cơ sở hạ tầng, nối kết đồng bộ với hệ thống hạ tầng lân cận của khu vực dự án.

- Làm cơ sở cho công tác quản lý đất đai, quản lý xây dựng.

- Cơ cấu phân khu chức năng phù hợp với mục tiêu đầu tư.

3. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

- Thực hiện theo "Quy Chuẩn Xây dựng Việt Nam" - Ban hành theo quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

- Theo đặc điểm hiện trạng khu đất.

- Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu làm cơ sở nghiên cứu quy hoạch được áp dụng cho khu ở đô thị loại V như sau:

3.1 Các chỉ tiêu sử dụng đất:

- Đất ở : 50 - 55m²/người.

- Đất công trình công cộng (trong đó đất giáo dục tối thiểu 2,7m²/người) : 03 - 05 m²/người.

- Đất công viên cây xanh - TDTT : 03 - 05 m²/người.

- Đất giao thông, hạ tầng kỹ thuật : 25 - 30 m²/người.

3.2 Mật độ xây dựng gộp toàn khu : ≤ 50 %

- Mật độ xây dựng nhà vườn : ≤ 70 %

- Mật độ xây dựng công trình công cộng : ≤ 40 %

3.3 Tầng cao, chiều cao xây dựng : 01 - 03 tầng (tối đa 15m)

3.4 Chỉ giới xây dựng công trình:

- Nhà vườn:

+ Khoảng lùi phía trước so với chỉ giới đường đỏ: ≥ 3.0m

+ Khoảng lùi phía sau : ≥ 2.0m

- Công trình công cộng:

+ Khoảng lùi phía trước so với chỉ giới đường đỏ: ≥ 6.0m

+ Khoảng lùi phía sau : ≥ 4.0m

3.5 Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:

+ Tiêu chuẩn cấp điện : 03Kw/hộ

+ Tiêu chuẩn cấp nước : 100 lít/người/ngày đêm.

+ Tiêu chuẩn nước thải : 100% nước cấp.

+ Tiêu chuẩn thải rác : 0,8 - 1,0 kg/người/ngày.

+ Tiêu chuẩn thông tin liên lạc : 0,5 máy/người.

4. Nội dung lập quy hoạch:

4.1. Phân khu chức năng:

a. Đất khu ở:

- Đất ở có 02 loại hình nhà ở là nhà vườn và nhà liên kế, chia thành 22 nhóm dân cư. Trong đó nhà vườn có 17 nhóm và nhà liên kế có 05 nhóm.

- Tổng diện tích đất là 101.521,5 m², chiếm tỷ lệ 54,69 % tổng diện tích dự án, với chỉ tiêu 54,23 m²/người; có thể bố trí cho 468 hộ, Mật độ xây dựng tối đa là 70%, tầng cao tối đa 03 tầng. Trong đó:

+ Khu đất quy hoạch nhà vườn với mục đích tái định cư có diện tích 47.660,2 m², chiếm 38,25 % quỹ đất ở. Có thể bố trí cho khoảng 179 hộ.

+ Khu đất quy hoạch nhà vườn với mục đích thương mại có diện tích 37.350,4 m², chiếm 36,75 % quỹ đất ở. Có thể bố trí cho khoảng 172 hộ.

+ Khu đất quy hoạch nhà liên kế với mục đích thương mại có diện tích 16.510,9 m², chiếm 25,00 % quỹ đất ở. Có thể bố trí cho khoảng 117 hộ.

STT	LOẠI NHÀ	SỐ LÔ	DÂN SỐ (Người)	TỶ LỆ (%)
1	Nhà ở nhà vườn (Tái định cư)	179	716	38,25
2	Nhà ở nhà vườn (Thương mại)	172	688	36,75
3	Nhà ở liên kế (Thương mại)	117	468	25,00
	TỔNG	468	1.872	100,00

b. Đất công trình công cộng:

- Đất công trình công cộng được quy hoạch giữa khu đất, đề xuất xây dựng trường mẫu giáo, công trình dịch vụ phục vụ khu dân cư và quỹ đất bố trí công trình văn hóa (câu lạc bộ hưu trí, đoàn thể, hoặc nhà sinh hoạt cộng đồng... tùy theo nhu cầu thực tế trong tương lai).

- Tổng diện tích đất công trình công cộng là 13.646,0 m², chiếm tỷ lệ 7,35 % tổng diện tích dự án, với chỉ tiêu 7,29 m²/người. Trong đó, đất xây dựng trường mẫu giáo có diện tích là 7.088,6 m², đạt 3,79 m²/người.

- Mật độ xây dựng tối đa của cụm công trình công cộng là 40%, tầng cao từ 02 tầng.

c. Khu cây xanh - TĐTT:

- Khu công viên cây xanh được bố trí phân tán trong dự án, chia thành 04 nhóm tập trung có tổng diện tích là 11.048,6 m², chiếm tỷ lệ 7,35 % tổng diện tích dự án, với chỉ tiêu 5,90 m²/người.

d. Khu hạ tầng kỹ thuật:

- Xây dựng trạm xử lý nước thải tại Phía Tây Nam dự án để xử lý cho toàn khu đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường. Diện tích đất của trạm xử lý nước thải là 1.359,3 m², chiếm tỷ lệ 0,73 % tổng diện tích dự án.

- Xây dựng trạm cấp nước tại Phía Đông Nam dự án để cấp nước cho toàn khu. Diện tích đất của trạm cấp nước là 392,0 m², chiếm tỷ lệ 0,21 % tổng diện tích dự án.

e. Đất giao thông:

- Các tuyến giao thông được quy hoạch dạng ô cờ, thuận lợi kết nối với các dự án lân cận.

- Các tuyến giao thông nội khu có lộ giới trung bình 12m (3-6-3) được kết nối vào trục chính của dự án có lộ giới 15m (4-7-4).

- Bố trí một bãi đỗ xe tại nút giao đường D1 và đường N7 với diện tích khoảng 1.529,9 m².

- Tổng diện tích hệ thống khung giao thông và sân bãi khoảng 57.672,4 m², chiếm tỷ lệ 31,07 % tổng diện tích dự án, và đạt chỉ tiêu 30,81 m²/người.

4.2. Quy hoạch sử dụng đất:

STT	KÝ HIỆU	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (M ²)	TỶ LỆ (%)	CHỈ TIÊU (m ² /người)
I		ĐẤT Ở	101.521,5	54,69	54,23
1	TĐC	Đất nhà ở nhà vườn (TĐC - 10x25)	47.660,2		-
2	NV	Đất nhà ở nhà vườn (Thương mại 10x20)	37.350,4		-
3	LK	Đất nhà ở liên kế (Thương mại 5x27)	16510,9		
II		ĐẤT CC - VĂN HÓA - DỊCH VỤ	13.646,0	7,35	7,29
1	CC1	Đất dịch vụ thương mại	3.027,7		-
2	CC2	Đất văn hóa	3.529,7		-
3	GD.	Đất trường mầm non	7.088,6		3,79
III		ĐẤT CÂY XANH - TĐTT	11.048,6	5,95	5,90
IV		ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT	1.751,3	0,94	0,94
1	HT1	Đất trạm xử lý nước thải	1.359,3	0,73	
	HT2	Đất trạm cấp nước	392,0	0,21	
V		ĐẤT GIAO THÔNG	57.672,4	31,07	30,81
	P	Đất bãi đỗ xe	1.529,9		
		Đất giao thông	56.142,5		
		TỔNG	185.639,8	100,0	-

5. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

5.1. Quy hoạch san nền:

- Mặt nền thiết kế cơ bản bám theo địa hình tự nhiên. Để tập trung nước thải tự chảy về trạm xử lý, Hướng dốc san nền từ Đông Bắc xuống Tây Nam chảy ra suối Râm hiện hữu cách ranh quy hoạch khoảng 100m về hướng Nam.

5.2. Quy hoạch hệ thống giao thông:

- Đường D3: Lộ giới 19m
- + Bề rộng mặt đường: 9m
- + Bề rộng vỉa hè: $2 \times 5 = 10\text{m}$
- Đường D1, D4, N1, N7: Lộ giới 15m
- + Bề rộng mặt đường: 7m
- + Bề rộng vỉa hè: $2 \times 4 = 8\text{m}$
- Đường D2A, D2B, N2, N3, N4, N5, N6, N8, N9, N10, N11: Lộ giới 12m
- + Bề rộng mặt đường: 6m
- + Bề rộng vỉa hè: $2 \times 3 = 6\text{m}$
- Độ dốc ngang mặt đường: 2%
- Độ dốc ngang vỉa hè: 1,50%
- Chênh cao giữa mép ngoài vỉa hè và mặt đường: 12,5cm.

5.3. Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa:

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế riêng biệt với hệ thống thoát nước thải.

- Hướng thoát nước chính của khu quy hoạch là hướng Đông Bắc xuống Tây Nam.

- Sử dụng cống BTCT rung ép kết hợp hố ga hai bên vỉa hè đường giao thông để thu nước làm hệ thống thoát nước chung cho toàn khu, từ đó dẫn về suối Râm hiện hữu cách ranh quy hoạch khoảng 100m về hướng Nam.

5.4. Quy hoạch hệ thống cấp nước:

a. Nhu cầu dùng nước: $535\text{m}^3/\text{ngày}$

Nguồn cấp:

Giai đoạn đầu do trong khu vực quy hoạch chưa có hệ thống cấp nước chung nên xây dựng hệ thống trạm bơm, máy khoan nước, bể chứa để phục vụ cho khu vực quy hoạch.

Giai đoạn sau sẽ được đấu nối vào hệ thống cấp nước chung theo quy hoạch của ngành cấp nước.

b. Giải pháp cấp nước:

* *Cấp nước sinh hoạt:*

Nước sinh hoạt được lấy từ đài nước, nước từ giếng khoan được bơm lên đài, đài nước tạo cột áp chảy vào mạng lưới ống phân phối.

* *Công trình đầu mối gồm giếng khoan, trạm bơm, bể chứa, đài nước:*

Bể chứa nước 550m^3 , đài nước 20m^3 . Công suất trạm bơm $350\text{m}^3/\text{ngày}$. Chiều sâu khoan Hk=90-100m.

Mạng lưới ống cấp nước được thiết kế theo mạch vòng. Kết quả tính toán thủy lực cho đường kính ống từ D63-D110mm

Ống cấp nước sử dụng ống HDPE. Độ sâu chôn ống trung bình 0.70 – 1,2 mét (so với cốt vỉa hè).

** Cấp nước phòng cháy chữa cháy:*

Nước phòng cháy chữa cháy được lấy nước từ mạng lưới cấp nước sinh hoạt. Bố trí các trụ PCCC dọc theo các tuyến ống trên toàn mạng lưới, khoảng cách giữa 2 trụ không vượt quá 150m, áp lực tự do trong mạng lưới cấp nước chữa cháy không được nhỏ hơn 10m tính từ mặt đất.

5.5. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải:

- Hệ thống công thoát nước thải sử dụng loại công tròn BTCT tách riêng với hệ thống thoát nước mưa.

- Nước thải sinh hoạt trước khi đổ vào hệ thống thu gom phải cho qua các hầm, bể tự hoại để xử lý sơ bộ, giảm ô nhiễm môi trường, tránh tắc nghẽn hệ thống cống dẫn.

- Tại vị trí các tuyến cống giao nhau và dọc theo các tuyến bố trí các hố ga chờ để đầu nối với hệ thống thoát nước từ bên trong các hộ dân, trung bình 4 đến 5 hộ sử dụng chung một hố ga, khoảng cách giữa các hố ga từ 25m-30m.

- Tại khu vực tiếp giáp với khu dân cư hiện hữu xây dựng hệ thống công bao, tách nước thải để thoát vào hệ thống thoát nước thải chung của khu vực.

a. Trạm xử lý nước thải:

- Bố trí 1 khu xử lý nước thải tập trung (công suất 210 m³/ngày đêm) tại phía Tây Nam của khu vực lập quy hoạch. Nước thải được thu gom và dẫn về khu xử lý phải đạt tiêu chuẩn cột A trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa.

b. Tiêu chuẩn nước thải:

Chất lượng nước thải sau xử lý phải đảm bảo các chỉ tiêu kiểm soát ô nhiễm theo QCVN 14:2008/BTNMT về nước thải sinh hoạt và quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 của UBND Tỉnh Đồng Nai về việc phân vùng môi trường tiếp nhận nước thải và khí thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

5.6. Rác thải và vệ sinh môi trường:

Rác thải vệ sinh môi trường ký hợp đồng với công ty Dịch vụ môi trường thu gom hàng ngày và đưa đi xử lý tại bãi xử lý tập trung theo quy hoạch Nông thôn mới xã Nhân Nghĩa đã được duyệt.

5.7. Quy hoạch hệ thống cấp điện và chiếu sáng:

a. Nguồn điện: Đầu nối vào lưới điện hiện hữu 3 Pha 4 dây 22kV nằm dọc trên đường Quốc lộ 56 đoạn từ ngã 3 Tân Phong (Long Khánh) đi Long Giao.

b. Nhu cầu tiêu thụ điện khoảng: 2.423kW.

c. Hệ thống chiếu sáng đèn đường: Sử dụng cáp CXV 3x70+1x 35-3x185+1x120-1kV đi ngầm, sử dụng đèn Dim Led tiết kiệm năng lượng để chiếu sáng.

5.8. Quy hoạch hệ thống thông tin - liên lạc:

a. Dự kiến nhu cầu:

- Tổng số máy và ADSL dự kiến cho Khu quy hoạch là khoảng 533 máy.
- Tổng số thuê bao truyền hình cáp là: khoảng 533 thuê bao.
- Tổng số thuê bao di động là: khoảng 2.621 thuê bao.

b. Giải pháp kỹ thuật:

Xây dựng và lắp đặt nhà trạm, trụ ăngten trong khu đất cây xanh diện tích 100m² để đáp ứng các dịch vụ viễn thông như: điện thoại công cộng, điện thoại, Internet (FTTx:FTTH, FTTB) v.v... Truyền hình cáp và truy nhập mạng qua hệ thống truyền hình cáp, dịch vụ truy nhập không dây băng thông rộng, IPTV(truyền hình trên Internet), VoD (Video Cáp trong mạng nội bộ của KDC Cic one gồm: nhà ở, giáo dục, hạ tầng kỹ thuật chủ yếu sử dụng loại cáp quang, cáp đi ngầm có tiết diện lõi dây 0,5mm. Sử dụng các module quang gắn ODF tại trụ đầy đủ phụ kiện.

6. Tiến độ và tổ chức thực hiện dự án

Tiến độ thực hiện dự án Khu dân cư và tái định cư tại xã Nhân Nghĩa, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai được chia thành các giai đoạn như sau:

- Giai đoạn 1: Tháng 10/2019 đến tháng 01/2020.
 - + Lập và trình duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500.
- Giai đoạn 2: Tháng 01/2020 đến tháng 03/2020.
 - + Công tác đấu thầu;
 - + Lập hồ sơ dự án đầu tư, thiết kế bản vẽ thi công....
- Giai đoạn 3: Tháng 03/2020 đến tháng 09/2020.
 - + Công tác đấu thầu;
 - + Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, trồng cây xanh tạo cảnh quan cho khu vực bố trí tái định cư.
- Giai đoạn 4: Tháng 09/2020 đến tháng 03/2021.
 - + Công tác đấu thầu;
 - + Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, trồng cây xanh tạo cảnh quan cho khu dân cư thương mại phía Nam dự án.
 - + Xây dựng các loại hình công trình hạ tầng xã hội theo quy hoạch được duyệt.

7. Quy định quản lý:

Việc quản lý thực hiện quy hoạch được quy định trong Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư CIC One Nhân Nghĩa ban hành kèm theo Quyết định phê duyệt và hồ sơ quy hoạch này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

Trên cơ sở quy hoạch được duyệt, Chủ tịch UBND xã Nhân Nghĩa, Thủ trưởng các cơ quan, Chủ đầu tư, đơn vị liên quan có trách nhiệm:

1. Công bố công khai cho nhân dân và các đơn vị kinh tế xã hội có liên quan trên địa bàn về nội dung quy hoạch, cùng nghiêm chỉnh thực hiện theo quy

hoạch đã phê duyệt.

2. Căn cứ nội dung quy hoạch được duyệt, Chủ đầu tư triển khai thực hiện:

- Lập danh mục, xác định các dự án ưu tiên đầu tư, tổ chức thực hiện.
- Lập kế hoạch đầu tư theo phân đợt đầu tư xây dựng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND huyện, Trưởng phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Chủ tịch UBND xã Nhân Nghĩa, Thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *[Signature]*

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- UBND tỉnh Đồng Nai;
- Các Sở ban ngành có liên quan;
- Thường trực Huyện ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND huyện (báo cáo);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Lưu: VT-TH (CN, NL). / *[Signature]*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Văn Chiến